

PHỤ LỤC III
GIAO BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026
VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)

(Kèm theo Nghị quyết số 291/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (bổ sung)	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương				
	TỔNG CỘNG		5.535.721,6	1.713.619,4	2.633.206,2	1.104.532	255.496		
A	PHẦN CẤP TỈNH QUẢN LÝ		5.535.721,6	1.713.619,4	2.633.206,2	1.104.532	255.496		
	Trong đó:								
A1	Tiết kiệm 5% theo quy định tại Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội						12.774		
A2	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 phân bổ cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ		5.535.721,6	1.713.619,4	2.633.206,2	1.104.532	242.722		
I	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		497.000	397.000	100.000	330.000	20.000		
a	Dự án hoàn thành trước năm 2026		497.000	397.000	100.000	330.000	20.000		
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Bắc Kạn - Giai đoạn II	Quyết định số 3867/QĐ-BCA-H02 ngày 27/5/2024	497.000	397.000	100.000	330.000	20.000	Công an tỉnh	
II	Các hoạt động kinh tế		3.481.973,6	1.316.619	2.165.354,2	763.298	164.630		
*	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		859.724,6	497.345	362.380	200	34.000		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030		859.724,6	497.345	362.379,6	200	34.000		
1	Cải tạo, nâng cấp bờ kênh kết hợp làm đường giao thông tuyến kênh chính hồ Núi Cốc đoạn ĐT.267 - ĐT.266	Phê duyệt chủ trương đầu tư Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	822.345	497.345	325.000	200	19.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Dự án thành phần xây lắp đã được quyết định đầu tư, bố trí vốn thực hiện dự án. Tổng vốn bổ sung cho dự án thành phần 1 là 50 tỷ đồng (Trong đó 30,0 tỷ đồng giao tại Phụ lục II)
	Trong đó:								
-	Dự án thành phần 1: Cải tạo, nâng cấp bờ kênh kết hợp làm đường giao thông tuyến kênh chính Hồ Núi Cốc đoạn từ ĐT.267 đến ĐT.266	Phê duyệt dự án Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	604.155	453.726	150.429		19.000		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (bổ sung)	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương				
2	Xây dựng kè bảo vệ chống sạt lở bờ sông, suối phía Bắc tỉnh Thái Nguyên	Phê duyệt chủ trương đầu tư Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 15/4/2026. Phê duyệt dự án tại Quyết định số 730/QĐ-SNNMT ngày 18/6/2026	37.379,6		37.379,6		15.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình công trình giao thông và nông nghiệp phía Bắc	Dự án đã được quyết định đầu tư, bố trí vốn thực hiện dự án.
*	Giao thông		2.622.249	819.274	1.802.974,6	763.098	80.630		
a	Dự án hoàn thành trước năm 2026		820.000	819.274,4	725,6	738.000	725,5		
1	Mở rộng, nâng cấp ĐT 254	Phê duyệt dự án tại Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 22/6/2017; Phê duyệt quyết toán dự án tại Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 29/6/2025	820.000	819.274,4	725,6	738.000	725,5	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Bổ sung cho dự án đã quyết toán (Theo nội dung đề nghị của Kiểm toán Nhà nước)
b	Dự án hoàn thành trong năm 2026		75.782	-	75.782	24.398	12.807		
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL3 - Cầu Phiêng My, phường Huyền Tung, TP Bắc Kạn (Km0+00 - Km1+450)	Phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 07/5/2025; Phê duyệt dự án tại Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	75.782		75.782	24.398	12.807	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình công trình giao thông và nông nghiệp phía Bắc	Dự án không được phép kéo dài thời gian giải ngân sang năm 2026. Bổ trí phân lại phân vốn để thực hiện dự án
c	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030		1.726.467	-	1.726.467	700	67.097,5		
1	Xây dựng tuyến đường kết nối đường cao tốc (CT.07) vào phường Bắc Kạn	Phê duyệt chủ trương đầu tư Quyết định 1406/QĐ-UBND ngày 20/5/2026; Phê duyệt dự án Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 04/6/2026	775.000		775.000	700	50.000,0	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình công trình giao thông và nông nghiệp phía Bắc	Dự án đã được quyết định đầu tư, bố trí vốn thực hiện dự án.

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (bổ sung)	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương				
2	Đường gom bên phải tuyến cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên đoạn từ ĐT.266 đến nút giao Thịnh Đán (giao với đường Quang Trung)	Phê duyệt chủ trương đầu tư Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 27/4/2026	951.467		951.467		17.097,5	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Dự án đã được quyết định đầu tư, bố trí vốn thực hiện các dự án thành phần. Quyết định số 706/QĐ-BQLDAGTNN ngày 16/6/2026 phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư dự án thành phần 1
	Trong đó:								
-	Vốn chuẩn bị đầu tư: Dự án thành phần 1: Đường gom bên phải tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ ĐT.266 đến nút giao Sông Công và đoạn từ nút giao Tân Lập đến nút giao Thịnh Đán (giao với đường Quang Trung)						1.000		
-	Dự án thành phần 2: Bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng	Phê duyệt dự án tại Quyết định số 744/QĐ-SNNMT ngày 19/6/2026	353.370		353.370		16.097,5		
*	Ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định						50.000		
1	Ủy thác vốn qua Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh	Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh					50.000	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên	
IV	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		1.556.748	-	367.852	11.234	58.092		
*	Đối ứng dự án ODA		1.556.748		367.852	11.234	25.915		
1	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào các dân tộc các tỉnh miền núi Trung du phía Bắc, tỉnh Bắc Kạn	Phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh tại Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 20/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh; Phê duyệt dự án đầu tư, điều chỉnh tại các Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 31/12/2024; số 1040/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh	871.606		215.833	1.482	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phía Bắc	Bố trí vốn đối ứng thực hiện thanh toán các khoản phí theo quy định tại Điều 4, Nghị định 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 của chính phủ

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (bổ sung)	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương				
2	Dự án Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn	Phê duyệt đề xuất dự án tại Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 07/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh; Phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án tại các Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 06/12/2024; số 1040/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh; số 716/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	685.142		152.019	9.752	15.915	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phía Bắc	Bổ trí vốn đối ứng thực hiện thanh toán các khoản phí theo quy định tại Điều 4, Nghị định 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 của chính phủ
*	<i>Phân cấp cho cấp xã</i>						32.177		
1	Xã Đại Phúc						2.170	UBND xã Đại Phúc	Bổ sung cho các xã, phường để bố trí cho các dự án đã quyết toán, đang trình phê duyệt quyết toán, đã có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo nội dung đề nghị của Kiểm toán Nhà nước và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định
2	Xã Đại Từ						533	UBND xã Đại Từ	
3	Xã Quảng Bạch						710	UBND xã Quảng Bạch	
4	Xã Dân Tiến						1.188	UBND xã Dân Tiến	
5	Xã La Hiên						196	UBND xã La Hiên	
6	Xã La Bằng						1.015	UBND xã La Bằng	
7	Xã Phú Lương						16.775	UBND xã Phú Lương	
8	Xã Hợp Thành						8.310	UBND xã Hợp Thành	
9	Xã Trung Hội						10	UBND xã Trung Hội	
10	Xã Kim Phụng						210	UBND xã Kim Phụng	
11	Xã Lam Vỹ						390	UBND xã Lam Vỹ	
12	Xã Chợ Đồn						670	UBND xã Chợ Đồn	